TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 28/12/2022
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tuyển

2. Ông Nguyễn Thành Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2022/TLST-DS ngày 11/5/2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-DS ngày 26/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.
Địa chỉ: Số 266 – 268 N, phường 8, quận 3, TPHCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Trương Thị Thu T, Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S - chi nhánh tỉnh Phú Yên (Theo văn bản uỷ quyền ngày số 163/20222/GUQ-CNPY ngày 25/4/2022 của Giám đốc chi nhánh). Có mặt.

2. Bị đơn: Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn S, xã S1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 03/10/2017, bà Trần Thị Ngọc A có ký với Ngân hàng TMCP S, chi nhánh tỉnh Phú Yên giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 984994. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng và dựa vào quá trình sử dụng tài khoản của chủ thẻ Ngân hàng được quyền quyết định tăng hoặc giảm hạn mức; lãi suất 2,15%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà A đã giao dịch rút tiền 33.449.000đ và đã thanh toán 35.280.000đ. Tuy nhiên từ ngày 31/12/2020 đến ngày 28/02/2020, bà A không thực hiện việc trả nợ mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 28/02/2020, Ngân hàng đã chốt nợ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn với lãi suất bằng 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 28/12/2022, bà A còn nợ số tiền 31.783.137đ (tiền gốc 17.010.985đ và tiền lãi 14.772.152đ). Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Thị Ngọc A phải thanh toán khoản nợ trên và tiền lãi phát sinh từ ngày 28/12/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

** Bị đơn Trần Thị Ngọc A đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật; nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả gốc, lãi theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu tại huyện Tây Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của TAND huyện T theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của BLTTDS.

[1.2] Bị đơn Trần Thị Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Ngày 03/10/2017, bà Trần Thị Ngọc A có ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 984994, được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, lãi suất 2,15%/tháng, mục đích tiêu

dùng cá nhân. Dựa vào quá trình sử dụng tài khoản thẻ, Ngân hàng quyết định tăng hạn mức đã cấp cho bị đơn là đúng theo mục 17 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ bị đơn đã giao dịch rút tiền 33.449.000đ và đã thanh toán được 35.280.000đ. Tuy nhiên từ ngày 31/12/2020 đến ngày 28/02/2020, bà A không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng đã chốt nợ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn với lãi suất bằng 150% là đúng quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền vay gốc và lãi là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn trả xong nợ là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn Trần Thị Ngọc A phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 31.783.137đ (trong đó tiền gốc 17.010.985đ và tiền lãi 14.772.152đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/12/2022), bị đơn còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Bị đơn Trần Thị Ngọc A phải chịu 1.589.000đ *(Một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (chi nhánh tỉnh Phú Yên) số tiền 650.000đ *(Sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002368 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mộng Tuyền